

Số: 1510/2025/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 1483/2024/TLST-DS ngày 16/7/2024, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bà Vũ Thị Ngọc T; sinh năm: 1973

Địa chỉ: 152/43 A, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: 152/43 A, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông Vũ Văn B; sinh năm: 1975

Địa chỉ: 4/36/6 H, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: 4/36/6 M, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Vũ Thị Kim H; sinh năm: 1966

Địa chỉ: 585/161 A, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: 585/161 A, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh).

2/ Ông Trần Tấn T; sinh năm: 1989 và ông Trần Trung T; sinh năm: 1986 (người thừa kế thế vị của bà Vũ Thị Ngọc M, sinh năm 1963, chết năm 1997).

3. Bà Vũ Thị T; sinh năm: 1970

4. Bà Vũ Thị N; sinh năm: 1971

5/ Bà Vũ Thị Ngọc G; sinh năm: 1981

Cùng địa chỉ: 4/36/6 H, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: 4/36/6 M, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Di sản thừa kế của ông Vũ Văn H (sinh năm: 1937; chết năm: 2021) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm: 1940; chết năm: 2002) là nhà đất số 4/36/6 Đường M (nay là đường H), Phường C, quận D, TP. Hồ Chí Minh theo giấy tờ đất giấy chứng nhận QSHNO và QSDĐ số 70129331296. Hồ sơ gốc số 1388/2024 (bản chính GCN căn nhà này), ngoài ra không còn tài sản nào khác.

2.2. Hàng thừa kế của ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị P gồm: 07 người, tương ứng 07 kỷ phần, gồm: Ông Bà Vũ Thị Ngọc T; sinh năm: 1973; Ông Vũ Văn B; sinh năm: 1975; Bà Vũ Thị Kim H; sinh năm: 1966; Bà Vũ Thị N; sinh năm: 1971; Bà Vũ Thị Ngọc G; sinh năm: 1981; Bà Vũ Thị Ngọc M; sinh năm 1963, chết năm: 1997 (02 con ông Trần Trung T, sinh năm: 1986; ông Trần Tấn T, sinh năm: 1989); Bà Vũ Thị T; sinh năm: 1970; Ông Trần Trung T và ông Trần Tấn T là người thừa kế vị của bà Vũ Thị Ngọc M.

2.3. Di sản thừa kế chia làm 07 kỷ phần tương ứng, theo kết quả định giá ngày 11/9/2024, giá trị tài sản thừa kế là 20.235.000.000 đồng (hai mươi tỷ hai trăm ba mươi năm triệu đồng), mỗi kỷ phần tương ứng là 2.890.715.000 đồng (hai tỷ tám trăm chín mươi triệu bảy trăm mười năm nghìn đồng), cụ thể:

- Bà Vũ Thị Ngọc T được nhận 01 phần là: 2.890.715.000 đồng.
- Ông Vũ Văn B được nhận 01 phần là: 2.890.715.000 đồng, có nghĩa vụ quản lý phần di sản thừa kế cho bà Vũ Thị T là: 2.890.715.000 đồng, có trách nhiệm trả lại khi bà T về (do bà T mất tích từ năm 2003).
- Bà Vũ Thị Kim H được nhận 01 phần là: 2.890.715.000 đồng
- Bà Vũ Thị N được nhận 01 phần là: 2.890.715.000 đồng
- Bà Vũ Thị Ngọc G được nhận 01 phần là: 2.890.715.000 đồng
- Ông Trần Trung T và ông Trần Tấn T được nhận 1/2 số tiền 2.890.715.000 đồng, mỗi người được hưởng số tiền là 1.445.357.500 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi năm triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Các bên thỏa thuận trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hòa giải thành, các bên tự thỏa thuận chia di sản thừa kế. Nếu quá thời hạn nêu trên, thì một trong các bên có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án thi hành Quyết định.

3. Về án phí DSST:

Ông Vũ Văn Bình, Bà Vũ Thị Kim H; Bà Vũ Thị N; Bà Vũ Thị Ngọc G; Bà Vũ Thị T mỗi người phải nộp 44.907.150 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi đồng), ông Vũ Văn B có nghĩa vụ nộp thay đổi với phần thừa kế của bà Vũ Thị T.

Ông Trần Trung T, ông Trần Tấn T mỗi người phải nộp 27.680.355 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn ba trăm, năm mươi năm đồng).

Bà Vũ Thị Ngọc T phải chịu 44.907.150 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi đồng) án phí DSST, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0028769 ngày 15/7/2024 của Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, sau khi căn trừ, bà T còn phải đóng 39.907.150 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị

kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM, VKSND TP.HCM;
- VKSND KV5;
- Phòng THADS KV5;
- Các Đs;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Khả